

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2026

PHỤ LỤC
VỀ RÀ SOÁT CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN
BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN
ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN
PHÁP THI HÀNH LUẬT TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Bộ Tư pháp đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tư pháp xin báo cáo cụ thể như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

1.1. Mục đích

- Xác định rõ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn cho việc xây dựng dự thảo Nghị định.

- Việc rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định nhằm đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ giữa dự thảo Nghị định với Hiến pháp, các văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các định hướng lớn của Đảng về bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

- Kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập hoặc không phù hợp với thực tiễn. Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bồi thường nhà nước.

1.2. Yêu cầu

- Việc rà soát phải được thực hiện một cách toàn diện, khách quan, kỹ lưỡng và có hệ thống đối với các chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến công tác bồi thường nhà nước.

- Bảo đảm xác định rõ các nội dung còn phù hợp, các nội dung mâu thuẫn, chồng chéo, không còn phù hợp hoặc thiếu quy định, từ đó hoàn thiện các quy định của Luật.

- Kết quả rà soát phải được tổng hợp đầy đủ, rõ ràng, có phân tích, đánh giá và kiến nghị cụ thể, phục vụ cho việc xây dựng dự thảo Nghị định theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

a) Phạm vi, đối tượng rà soát: Rà soát toàn diện các nội dung có liên quan đến nội dung dự thảo Nghị định.

b) Nội dung rà soát

- Sự phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng;
- Tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật;
- Tính tương thích với điều ước quốc tế.

c) Đối tượng rà soát

- Các chủ trương, đường lối của Đảng;
- Các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến dự thảo Nghị định;
- Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên trong đó có nội dung liên quan đến lĩnh vực bồi thường nhà nước.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

Tổng số văn bản của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế được rà soát liên quan đến dự thảo Nghị định có **257** văn bản liên quan đến dự thảo Nghị định. Cụ thể như sau:

- **15** văn bản của Đảng;
- **209** Luật, Nghị quyết, Pháp lệnh.
- **16** Nghị định, Nghị quyết, Quyết định.
- **08** Thông tư, Thông tư liên tịch.
- **09** Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 - đính kèm Báo cáo này)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Nghị định

Bộ Tư pháp đã thực hiện rà soát tổng cộng 15 văn bản của Đảng có nội dung liên quan đến bồi thường nhà nước. Cụ thể như sau:

a) Về các chủ trương, đường lối của Đảng mang tính nền tảng (xem Phụ lục 1, 2)

(1) Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026-2030 là: (i) “lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu” và (ii) “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân...; bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân”.

(2) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả với nhiệm vụ “Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm”; “Tiếp tục cải cách hành chính mạnh mẽ, ứng dụng sâu rộng khoa học – công nghệ, nhất là công nghệ thông tin; đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử” (*điểm 1 mục III*) và “Sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã và quy định khung số lượng cán bộ, công chức cấp xã cho phù hợp theo hướng xác định rõ vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, đặc thù của địa phương và bảo đảm giảm biên chế” (*điểm 2.3 mục III*).

(3) Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới về các nhiệm vụ: “Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân;”. “Hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân” (*Phần III – 1.1; 1.2*); “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hóa các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia – dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.” (*Phần IV.2*).

(4) Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới với nhiệm vụ: “Chú trọng định hướng chính trị, tư tưởng; tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết

đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.” (Phần III.2)

(5) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030: “Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị...” và đặt ra nhiệm vụ “Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh”.

(6) Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới với nhiệm vụ:

Tại Nghị quyết số 66/NQ-TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đã chỉ đạo: “...luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.”

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 66/NQ-TW “...phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được... Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn.” (Mục III.2).

(7) Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng có các nội dung: Thủ tục đình chỉ sinh hoạt đảng “sau khi kết thúc điều tra, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán nếu đảng viên đó vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời phải xem xét, thi hành kỷ luật về đảng. Nếu đảng viên đó không vi phạm hoặc vi phạm không đến mức cách chức thì khôi phục lại chức vụ đã đình chỉ hoặc bố trí công tác khác.” (Khoản 2 Điều 29); Nguyên tắc thi hành kỷ luật trong Đảng quy định “Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với tổ chức đảng, đảng viên phải thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định (khoản 2 Điều 8) và “Đảng viên bị kết án oan, sai đã được tòa án quyết định hủy bỏ bản án hoặc thay đổi mức án, cơ quan có thẩm quyền đình chỉ vụ án thì các tổ chức

đảng có thẩm quyền phải kịp thời xem xét lại quyết định kỷ luật đối với đảng viên đó, kể cả trường hợp đã chết” (Khoản 5 Điều 16); Nguyên tắc thi hành kỷ luật trong Đảng “Tổ chức đảng quyết định kỷ luật oan, sai đối với tổ chức đảng, đảng viên phải thay đổi hoặc hủy bỏ quyết định đó, đồng thời tự phê bình, kiểm điểm, rút kinh nghiệm; nếu vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp trên xem xét, quyết định” (Khoản 8 Điều 8) và “Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị.” (Khoản 12 Điều 8)

(8) Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kỷ luật tổ chức Đảng, Đảng viên vi phạm về vấn đề: Nguyên tắc xử lý kỷ luật “6. *Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan, sai, thì tổ chức đảng ra quyết định kỷ luật phải hủy bỏ hoặc thay đổi quyết định kỷ luật cho phù hợp; nếu tổ chức đảng không thực hiện thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định, đồng thời xem xét trách nhiệm của tổ chức đảng đã ra quyết định kỷ luật oan, sai, nếu có vi phạm đến mức phải kỷ luật thì xử lý theo quy định.*”... (Khoản 6 Điều 2).

(9) Quy định số 117-QĐ/TW ngày 18/8/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xin lỗi và phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan đã quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, trình tự, thủ tục xin lỗi và phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan. Đồng thời quy định “việc bồi thường về vật chất và các lợi ích hợp pháp cho tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan thực hiện theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.” (Khoản 6 Điều 3).

(10) Quy định số 262-QĐ/TW ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của đảng về nội dung: “*Tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan, sai phải được xin lỗi và phục hồi quyền lợi. Việc xin lỗi và phục hồi quyền lợi thực hiện theo quy định của Bộ Chính trị*” (Khoản 13, Điều 1).

(11) Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới nhấn mạnh việc hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật cần bảo đảm định hướng “*các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể là các cá nhân, tổ chức không mang quyền lực nhà nước (quy phạm pháp luật tư) được thiết kế theo hướng chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc; các nội dung cụ thể để các chủ thể tự thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu, lợi ích, quyền tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm của mình trên tinh thần không vi phạm điều cấm của luật, phát huy tính năng động, sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tạo động lực quan trọng để huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng phục vụ phát triển đất nước*”.

b) Về chủ trương, đường lối của Đảng mang tính định hướng trực tiếp lĩnh vực bồi thường nhà nước (xem Phụ lục 1, 2)

(12) Quy định số 231-QĐ/TW ngày 17/1/2025 của Ban chấp hành Trung ương về bảo vệ người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực quy định các nội dung: (1) người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực có quyền “Được bồi thường theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi cơ quan có thẩm quyền không áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc áp dụng không kịp thời gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản, tinh thần của người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực hoặc người thân” (Mục 1.3 Điều 5); (2) “phối hợp với người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực đề nghị các cơ quan chức năng bồi thường thiệt hại cho người đấu tranh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước”

(13) Nghị quyết 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới có nội dung: “Vừa kiên quyết, kiên trì đấu tranh, vừa kiến tạo phát triển, khuyến khích, bảo vệ người đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung; bảo đảm hài hoà giữa lợi ích của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và người dân”.

(14) Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung có nội dung: “Nâng cao nhận thức, tăng cường trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu, tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng và đồng thuận trong xã hội về chủ trương khuyến khích và *bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá vì lợi ích chung*; khơi dậy mạnh mẽ ý thức trách nhiệm, khát vọng cống hiến, tinh thần đổi mới, hết lòng, hết sức vì nhân dân phục vụ của đội ngũ cán bộ.”

(15) Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về Định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật do Ban Chấp hành Trung ương ban hành đã chỉ rõ “... không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ, các bộ quy định theo thẩm quyền”.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát: **233** văn bản, trong đó bao gồm: **01** Hiến pháp; **208** Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, **16** nghị định, nghị quyết; **08** Thông tư, thông tư liên tịch có nội dung liên quan đến các quy định được xây dựng trong dự thảo Nghị định. Qua rà soát, Bộ Tư pháp nhận thấy các nội dung của dự thảo Nghị định đã đảm bảo tính thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành, cụ thể như sau:

- Tính đồng bộ, thống nhất: Các nội dung của dự thảo Nghị định không có quy định nào mâu thuẫn với Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành và phù hợp với đặc thù trong công tác bồi thường nhà nước. Ngoài ra, một số nội dung khác liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy và việc thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính, khắc phục những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện cũng đã được đảm bảo thống nhất, phù hợp với các nội dung tương ứng ở các văn bản luật, bộ luật.

- Tính phù hợp, khả thi: Các nội dung của dự thảo Nghị định bảo đảm tính khả thi, phù hợp và đáp ứng được yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn hiện nay về phát triển Chính phủ số.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định

- Qua rà soát có 09 điều ước quốc tế liên quan đến nội dung của dự thảo Nghị định, cụ thể là 04 Công ước: Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR); Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003 (UNCAC); Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc năm 1965; Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Bên cạnh đó, có 02 hiệp định mà Việt Nam là thành viên: Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản ngày 14 tháng 11 năm 2003 về tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư; Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Dân Quốc về khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực (RECP); Hiệp định Đầu tư giữa Chính phủ các Quốc gia thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính quyền đặc khu hành chính Hồng Kông thuộc Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam và Liên minh Châu Âu.

Đánh giá chung về tính tương thích của quy định tại dự thảo Nghị định với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên: Qua rà soát, nội dung dự thảo Nghị định không trái với nội dung trong các điều ước quốc tế nêu trên.

Như vậy, qua việc rà soát, đánh giá từng điều khoản cụ thể trong dự thảo Nghị định với các chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và điều ước quốc tế liên quan cho thấy về cơ bản nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với các văn bản của Đảng, Hiến pháp và các quy định của pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan. Đối với một số nội dung quy định trong dự thảo Nghị định mang tính chất đặc thù, qua rà soát đều có các kiến nghị cụ thể để phục vụ việc xây dựng dự thảo Nghị định.

(Chi tiết tại Phụ lục 2- kèm theo Báo cáo này).

Trên đây là Phụ lục kết quả rà soát các văn bản của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị định kính trình Chính phủ xem xét./.

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
DANH SÁCH CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN
PHÁP THI HÀNH LUẬT TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTP ngày / /2026 của Bộ Tư pháp)

TT	TÊN VĂN BẢN RÀ SOÁT
I.	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG
I.1	<i>Chủ trương, đường lối của Đảng mang tính nền tảng</i>
1.	Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam
2.	Nghị quyết 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả
3.	Quy định số 21-QĐ/TW ngày 11/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng
4.	Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới
5.	Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới
6.	Quy định số 69-QĐ/TW ngày 06/7/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về kỷ luật tổ chức Đảng, Đảng viên vi phạm
7.	Quy định số 11-QĐ/TW ngày 18/8/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về xin lỗi và phục hồi quyền lợi của tổ chức đảng, đảng viên bị kỷ luật oan
8.	Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
9.	Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới
10.	Quy định số 262/QĐ-TW ngày 03/02/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của đảng
11.	Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
12.	Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về Định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật
I.2	<i>Chủ trương, đường lối của Đảng mang tính định hướng trực tiếp lĩnh vực bồi thường nhà nước</i>
11.	Quy định số 231-QĐ/TW ngày 17/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về bảo vệ người đầu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực
12.	Nghị quyết 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương

	Đảng khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới
13.	Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung
II.	VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
II.1	Văn bản do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành
1.	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
2.	Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
3.	Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13
4.	Bộ luật Tổ tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15
5.	Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 86/2025/QH15
6.	Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 99/2025/QH15
7.	Bộ luật Hàng hải số 95/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14.
8.	Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14
9.	Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15
10.	Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH1 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 30/2023/QH15
11.	Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14
12.	Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; 2. Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
13.	Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bởi Luật số 87/2025/QH15.
14.	Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 66/2020/QH14
15.	Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14
16.	Luật Biển Việt Nam số 18/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 65/2025/QH15
17.	Luật Báo chí số 126/2025/QH15
18.	Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11/được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 113/2025/QH15
19.	Luật Bru chính số 49/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15
20.	Luật Bảo hiểm tiền gửi số 111/2025/QH15

21.	Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15
22.	Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14 và Luật số 30/2023/QH15
23.	Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 117/2025/QH15
24.	Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15
25.	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14
26.	Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15
27.	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 19/2023/QH15
28.	Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân số 21-LCT/HĐNN8 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 113/2025/QH15
29.	Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi các luật sau: Luật số 35/2018/QH14 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch); Luật số 146/2025/QH15 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường)
30.	Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 83/2025/QH15
31.	Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15
32.	Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2013/QH15 và Luật số 93/2025/QH15
33.	Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15
34.	Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14, Luật số: 78/2025/QH15.
35.	Luật Chứng khoán 2019
36.	Luật Chứng khoán 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15
37.	Luật Các công cụ chuyển nhượng số 49/2005/QH11 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 96/2025/QH15
38.	Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15
39.	Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2023/QH15
40.	Luật Công chứng 46/2024/QH15
41.	Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15
42.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp 38/2024/QH15
43.	Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15
44.	Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; 2. Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15; 3. Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 4. Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 5. Luật Thanh tra số 84/2025/QH15.
45.	Luật Công đoàn số 50/2024/QH15

46.	Luật Căn cước số 26/2023/QH15
47.	Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài số 33/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 19/2017/QH14, Luật số 08/2026/QH16.
48.	Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13
49.	Luật Cư trú số 68/2020/QH14
50.	Luật Cảnh tranh 23/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 41/2024/QH15
51.	Luật Cảnh sát biển Việt Nam số 33/2018/QH14
52.	Luật Cảnh sát cơ động 04/2022/QH15
53.	Luật Cảnh vệ số 13/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 40/2024/QH15
54.	Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15
55.	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số và 03/2022/QH15 Luật số 76/2025/QH15
56.	Luật Du lịch số 09/2017/QH14
57.	Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14
58.	Luật Dược số 105/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15
59.	Luật Dầu khí số 12/2022/QH15
60.	Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15
61.	Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15
62.	Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15
63.	Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 48/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa, 2. Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; 3. Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch 4. Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14 5. Luật Thanh tra số 84/2025/QH15
64.	Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15 và Luật số 95/2025/QH15
65.	Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15
66.	Luật Giáo dục 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15
67.	Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15
68.	Luật Hoạt động chữ thập đỏ số 11/2008/QH12
69.	Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15
70.	Luật Hòa giải ở cơ sở số 35/2013/QH13
71.	Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa

	thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án
72.	Luật Hóa chất số 69/2025/QH15
73.	Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 81/2025/QH15
74.	Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án
75.	Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14
76.	Luật Hộ tịch 03/2026/QH16
77.	Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15
78.	Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15
79.	Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15
80.	Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15
81.	Luật Khí tượng thủy văn 90/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch 2. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 3. Luật số 146/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.
82.	Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15
83.	Luật Kinh doanh bất động sản 29/2023/QH15
84.	Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14
85.	Luật Kiểm toán Nhà nước số 81/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 55/2019/QH14
86.	Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 2. Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính
87.	Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 2. Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính
88.	Luật Luật sư số 65/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 20/2012/QH13 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư; 2. Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13.
89.	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.

90.	Luật Lý lịch tư pháp số 28/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Cư trú số 68/2020/QH14; 2. Luật số 107/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.
91.	Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
92.	Luật Lực lượng dự bị động viên số 53/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng
93.	Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 51/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. 2. Luật số 118/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự
94.	Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
95.	Luật Nghĩa vụ quân sự số 78/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14. 2. Luật số 98/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng
96.	Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15.
97.	Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15
98.	Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15; 2. Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15.
99.	Luật Người khuyết tật số 51/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 32/2013/QH13 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2. Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15
100.	Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng số 69/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giá số 16/2023/QH15
101.	Luật Nhà giáo 73/2025/QH15
102.	Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 43/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. 2. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15. 3. Luật Thanh tra số 84/2025/QH15. 4. Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của

	Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; 5. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ; 6. Luật Dân số 113/2025/QH15. 7. Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15.
103.	Luật Nuôi con nuôi số 52/2010/QH12
104.	Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15
105.	Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15
106.	Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Du lịch số 09/2017/QH14 . 2. Luật Cạnh tranh số 23/2018/QH14. 3. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. 4. Luật Giá số 16/2023/QH15. 5. Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15. 6. Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 . 7. Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 . 8. Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 . 9. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 . 10. Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 .
107.	Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) số 64/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 71/2020/QH14 ngày 16/11/2020.
108.	Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 60/2020/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều. 2. Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 3. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 4. Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 5. Luật số 146/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
109.	Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 28/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch.

	2. Luật Giá số 16/2023/QH15. 3. Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15.
110.	Luật Phòng không nhân dân số 49/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 98/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng.
111.	Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 98/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng. 2. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15 3. Luật Dự trữ quốc gia số 145/2025/QH15
112.	Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022
113.	Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15
114.	Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15
115.	Luật Phòng, chống mua bán người số 53/2024/QH15
116.	Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15
117.	Luật Phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 81/2025/QH15
118.	Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia số 44/2019/QH14
119.	Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13
120.	Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15
121.	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15. 2. Luật số 144/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.
122.	Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15
123.	Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14
124.	Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, có hiệu lực kể từ 01 tháng 7 năm 2025
125.	Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15

126.	Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15
127.	Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 25/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15
128.	Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ; 2. Luật số 07/2022/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ 3. Luật Viên thông số 24/2023/QH15 ; 4. Luật Đất đai số 31/2024/QH15; 5. Luật số 43/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2024; 6. Luật số 56/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. 7. Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
129.	Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15
130.	Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch. 2. Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15. 3. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 . 4. Luật số 75/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo
131.	Luật Quốc phòng số 22/2018 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15. 2. Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số

	38/2024/QH15. 3. Luật số 98/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
132.	Luật Quốc tịch Việt Nam số 24/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 79/2025/QH15 ngày 27/6/2025
133.	Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 19/2008/QH12 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam 2. Luật số 72/2014/QH13 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam 3. Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 của Quốc hội. 4. Luật số 52/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam.
134.	Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 36/2009/QH12 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; 2. Luật số 42/2019/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ 3. Luật số 07/2022/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ. 4. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15
135.	Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011, được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019; 2. Luật số 77/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả
136.	Luật sửa đổi 11 Luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15
137.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14
138.	Luật số 19/2017/QH14 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài

139.	Luật số 90 /2025/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15
140.	Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc 2025 số 92/2025/QH15
141.	Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 ngày 16/06/2020
142.	Luật Thanh tra số: 84/2025/QH15.
143.	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15; 2. Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15; 3. Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15; 4. Luật số 141/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý nợ công, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; 5. Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.
144.	Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt số 66/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt.
145.	Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016 số 107/2016/QH13 được sửa đổi bổ sung Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi một số Luật
146.	Luật Thú y số 79/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật số 146/2025/QH15
147.	Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15
148.	Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch 2. Luật số 70/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
149.	Luật Tiếp công dân số 42/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo
150.	Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16
151.	Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 10/2017/QH14
152.	Luật Trưng cầu ý dân số 96/2015/QH13
153.	Luật Trưng mua, trưng dụng tài sản số 15/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đất đai số 45/2013/QH13

154.	Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự
155.	Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 28/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch 2. Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 3. Luật số 81/2025/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân
156.	Luật Trọng tài thương mại số 54/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15
157.	Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
158.	Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 05/2026/QH16
159.	Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.
160.	Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch. 2. Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 3. Luật Điện lực số 61/2024/QH15
161.	Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội
162.	Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án
163.	Luật Tương trợ tư pháp số 08/2007/QH12 Quốc hội, được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân
164.	Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 09/2022/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện;

	2. Luật Viên thông số 24/2023/QH15 của Quốc hội; 3. Luật Thanh tra số 84/2025/QH15 của Quốc hội.
165.	Luật Tổ cáo số 25/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 136/2025/QH15
166.	Luật Tổ tụng hành chính số 93/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15
167.	Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15
168.	Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15
169.	Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tổ tụng hình sự
170.	Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 65/2020/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội 2. Nghị quyết số 96/2023/QH15 của Quốc hội về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội, Hội đồng nhân dân bầu hoặc phê chuẩn 3. Luật số 62/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội
171.	Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 34/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 81/2025/QH15
172.	Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân số 82/2025/QH15 của Quốc hội được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 82/2025/QH15
173.	Luật Viên chức số 129/2025/QH15
174.	Luật Viên thông số 24/2023/QH15 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15
175.	Luật Viên thông số 24/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15. 2. Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15. 3. Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15.
176.	Luật Việc làm số 74/2025/QH15
177.	Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; 2. Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội
178.	Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam số 49/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 23/2023/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; 2. Luật số 118/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự.
179.	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số

	03/2016/QH14; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 40/2019/QH14; Luật số 62/2020/QH14; Luật số 45/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 55/2024/QH15; Luật số 61/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15; Luật số 95/2025/QH15
180.	Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 88/2025/QH15
181.	Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; 2. Luật số 146/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
182.	Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 137/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế
183.	Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15
184.	Luật Đo lường số 04/2011/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 35/2018/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; 2. Luật Thanh tra số 84/2025/QH15
185.	Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Thanh tra số 84/2025/QH15
186.	Luật Đề điều số 79/2006/QH11 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 15/2008/QH12; Luật số 35/2018/QH14; Luật số 60/2020/QH14; Luật số 18/2023/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 146/2025/QH15
187.	Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 118/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến an ninh, trật tự 2. Luật Đường sắt số 95/2025/QH15
188.	Luật Đất đai số 31/2024/QH15 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 43/2024/QH15, Luật số 27/2023/QH15, Luật số 29/2023/QH15; Luật số 32/2024/QH15; Luật số 47/2024/QH15; Luật số 58/2024/QH15; Luật số 71/2025/QH15; Luật số 84/2025/QH15; Luật số 93/2025/QH15; Luật số 95/2025/QH15
189.	Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Giá số 16/2023/QH15 2. Luật số 37/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; 3. Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15
190.	Luật Đấu thầu số 22/2023/ được sửa đổi, bổ sung bởi:

	1. Luật số 57/2024/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu 2. Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công
191.	Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật số 90/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; 2. Luật Xây dựng số 135/2025/QH15
192.	Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15; Luật số 28/2023/QH15; Luật số 35/2024/QH15; Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15
193.	Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội
194.	Luật Đặc xá số 30/2018/QH14 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 86/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự
195.	Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản
196.	Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam 2015 số 94/2015/QH13
197.	Luật Thi hành án dân sự số 106/2025/QH15
198.	Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15
199.	Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 06/2026/QH16
200.	Luật Thuế bảo vệ môi trường 2010 số 57/2010/QH12
201.	Luật Thuế giá trị gia tăng 2024 số 48/2024/QH15
202.	Luật Thuế Sử dụng Đất Nông nghiệp 1993 số 23-L/CTN
203.	Luật Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 2010 số 48/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi: 1. Luật Đất đai số 31/2024/QH15; 2. Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.
204.	Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án
205.	Nghị quyết số 205/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự

	của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công
206.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13
	Luật số 128/2025/QH15 thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú
207.	Luật Phục hồi, phá sản số 142/2025/QH15
208.	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14
209.	Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15
II.2	Văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ
1.	Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
2.	Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
3.	Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
4.	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai
5.	Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt hành chính về xây dựng
6.	Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước
7.	Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Một cửa
8.	Quyết định 1819/QĐ-TTg phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính để tổ chức thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp
9.	Nghị quyết số 66.7/2025/QH15 ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trên dữ liệu
10.	Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”
11.	Nghị quyết số 66 /NQ-CP của Chính phủ ngày 26/3/ 2025 về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và năm 2026
12.	Nghị quyết 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ ngày 18/5/2025 về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh
13.	Nghị định số 168/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/6/2025 về đăng ký doanh nghiệp
14.	Nghị định số 172/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về

	xử lý cán bộ, công chức
15.	Nghị định số 303/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ
16.	Nghị định 158/2025/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc
II.3	Văn bản do Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành
1.	Thông tư số 78/2025/TT-BCA ngày 29/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 145/2020/TT-BCA ngày 29/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thẩm quyền trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo về hành vi tham nhũng, lãng phí
2.	Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
3.	Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp
4.	Thông tư số 11/2025/TT-BTP ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp
5.	Thông tư liên tịch số 09/2025/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-KTNN-TTCP-BCA-BTP-BTC-BCT-BXD-BYT-BNNMT-BVHTTDL-BD TTG ngày 03/11/2025 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 205/2025/QH15 ngày 24/6/2025 của Quốc hội về thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công
6.	Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước
7.	Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước
8.	Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước
III.	ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO
1.	Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị năm 1966 (ICCPR)
2.	Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng năm 2003 (Công ước UNCAC)
3.	Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc
4.	Công ước quốc tế các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, 1966
5.	Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản ngày 14/11/2003 về tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư
6.	Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và

	Chính phủ Dân Quốc về khuyến khích và bảo hộ đầu tư
7.	Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực (RECP)
8.	Hiệp định Đầu tư giữa Chính phủ các Quốc gia Thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính quyền đặc khu hành chính Hồng Kông thuộc Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
9.	Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam và Liên minh Châu Âu

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ RÀ SOÁT CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, BẢN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT,
ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BTP ngày / /2026 của Bộ Tư pháp)

I. CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Tại dự thảo Nghị định quy định những nội dung đã được giao cho Chính phủ quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 15/2026/QH16 cụ thể : <i>Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 22, Điều 23, Điều 28, Điều 41, Điều 42, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 61, Điều 62, Điều 65, Điều 66, Điều 69 và Điều 73 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (sau đây gọi là Luật); biện pháp tổ chức thi hành Luật.</i>	1. Nghị Quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới - Về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đã khẳng định: “...luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.” “ -Mục III.2. Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển “...phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả <u>quyền con người, quyền công dân</u> ; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền	Dự thảo Nghị định đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW, Kết luận số 119-KL/TW	Quy định như tại Dự thảo Nghị định

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	với lợi ích chính đáng đạt được.....”. 2. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Phần II.4. Mục (10) “lấy việc tôn trọng, bảo đảm, <u>bảo vệ quyền con người, quyền công dân</u>, hạnh phúc và sự hài lòng của nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu” 3. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới 1. Phần III- 1.1; 1.2; “Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân...., <u>tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân</u>”. 2. Phần IV.2 “Tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; <u>xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.</u>”. 4. Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về Định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật do Ban Chấp hành Trung ương ban hành đã chỉ rõ “... không luật hóa các nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của văn bản dưới luật; cơ bản không quy định thủ tục hành chính, trình tự, hồ sơ trong luật mà giao Chính phủ,		

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Tại dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc: Thị trường để xác định giá trị tài sản là thị trường cấp xã (xã, phường, đặc khu) nơi xảy ra thiệt hại thực tế. Đồng thời cũng quy định trường hợp ngoại lệ: Nếu tại thị trường cấp xã đó không có tài sản cùng loại hoặc không có tài sản tương đương về tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng, thì xác định theo thị trường cấp xã gần nhất trong cùng tỉnh, thành phố.	các bộ quy định theo thẩm quyền” 5. Nghị Quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; dứt khoát từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”; phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được. Các quy định của luật phải mang tính ổn định, đơn giản, dễ thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm	Dự thảo Nghị định đã phù hợp, thể chế hóa chủ trương của Đảng	Quy định như tại Dự thảo Nghị định.
Dự thảo Nghị định quy định chuẩn hóa nội dung và giấy tờ của hồ sơ yêu cầu bồi thường, vừa đa dạng hóa phương thức nộp hồ sơ, trong đó bổ sung phương thức điện tử và Vneid. uy định về nội dung, thành phần hồ sơ và phương thức nộp hồ sơ yêu cầu bồi thường, gồm nội dung văn bản yêu cầu bồi thường: thông tin người yêu cầu, phương thức nhận thông báo và tiền bồi thường, hành vi gây thiệt hại, căn cứ yêu cầu, thiệt hại và mức yêu cầu bồi thường, yêu cầu tạm ứng, phục hồi danh dự, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp khác và các yêu cầu khác; Trường hợp chỉ yêu cầu phục hồi danh dự: văn bản yêu cầu bồi thường chỉ cần có các nội dung tương ứng theo quy định. Trường hợp yêu cầu bằng lời nói: cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm lập	1. Nghị Quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia Phần III.5. Nhiệm vụ, giải pháp “Đổi mới toàn diện việc <u>giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính</u>; Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hoá và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân”	Dự thảo Nghị định đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024.	Quy định như tại Dự thảo Nghị định.

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
văn bản ghi nhận nội dung yêu cầu, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người yêu cầu; Trường hợp người yêu cầu là người đại diện hoặc người thừa kế: phải gửi kèm giấy tờ chứng minh quyền đại diện hoặc quyền thừa kế; quy định riêng về bản sao giấy tờ khi nộp trực tiếp và qua bưu chính. Nộp hồ sơ trên môi trường số: được thực hiện qua Cổng Dịch vụ công quốc gia, VNeID hoặc phương tiện khác theo pháp luật; hồ sơ điện tử có giá trị pháp lý như hồ sơ giấy khi đáp ứng điều kiện của pháp luật về giao dịch điện tử.			
Dự thảo Nghị định quy định cũng đã quy định cụ thể cách thức tiếp nhận hồ sơ tùy theo phương thức nộp cũng như cách thức xử lý hồ sơ yêu cầu bồi thường: Nộp tại Bộ phận Một cửa, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc VNeID thì thực hiện theo quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường thì cơ quan tiếp nhận và cấp giấy tiếp nhận. Nộp qua bưu chính thì trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi giấy tiếp nhận cho người yêu cầu. Đồng thời, dự thảo quy định về việc thụ lý hồ sơ do cơ quan khác chuyển đến: Nếu người bị thiệt hại đã nộp yêu cầu trong thời hiệu, nhưng đến khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhận được hồ sơ thì thời hiệu đã hết, cơ quan đó vẫn phải thụ lý hồ sơ; Đồng thời quy định việc thông báo giải quyết bồi thường trên môi trường số qua VNeID hoặc Cổng Dịch vụ công quốc	1.Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia: Dự thảo Nghị định cơ bản phù hợp với yêu cầu của Nghị quyết 57/NQ-TW 8 STT Quy định của Dự thảo Nghị định Chủ trương, đường lối của Đảng Đánh giá (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng) Đề xuất xử lý- Dự thảo Nghị định quy định chi tiết về quản lý, vận hành, khai thác và cung cấp dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến, báo cáo nghiên cứu khả thi, cấp phép xây dựng,... thể hiện rõ định hướng đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, tăng cường minh bạch thông tin và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong xây dựng.	Dự thảo Nghị định đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024	Dự thảo Nghị định đã thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐẢNG CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
gia; ngày hệ thống báo đã gửi được xác định là ngày thông báo hợp lệ. Người yêu cầu có trách nhiệm truy cập để nhận thông báo và thực hiện quyền, nghĩa vụ. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm tích hợp, kết nối, chia sẻ và bảo mật thông tin; có thể thông báo đồng thời qua phương tiện điện tử khác theo đề nghị.			

II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Tại dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc: Thị trường để xác định giá trị tài sản là thị trường cấp xã (xã, phường, đặc khu) nơi xảy ra thiệt hại thực tế. Đồng thời cũng quy định trường hợp ngoại lệ: Nếu tại thị trường cấp xã đó không có tài sản cùng loại hoặc không có tài sản tương đương về tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng, thì xác định theo thị trường cấp xã gần nhất trong cùng tỉnh, thành phố.	1. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 Điều 14. Nghị định, nghị quyết của Chính phủ 1. Chính phủ ban hành nghị định để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;.	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung để cụ thể hóa quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Quy định như tại dự thảo Nghị định.
Tại dự thảo Nghị định quy định nguyên tắc: Thị trường để xác định giá trị tài sản là thị trường cấp xã (xã, phường, đặc khu) nơi xảy ra thiệt hại thực tế. Đồng thời	Việc sửa đổi, bổ sung quy định này do vướng mắc thực tiễn không có tài sản cùng loại tại thị trường cấp huyện nơi xảy ra thiệt hại	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung để việc áp dụng trên thực tiễn, đảm bảo	Quy định như tại dự thảo Nghị định.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
cũng quy định trường hợp ngoại lệ: Nếu tại thị trường cấp xã đó không có tài sản cùng loại hoặc không có tài sản tương đương về tính năng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tác dụng và chất lượng, thì xác định theo thị trường cấp xã gần nhất trong cùng tỉnh, thành phố.		tính thống, khả thi.	
Dự thảo quy định cụ thể các biện pháp (trường giáo dục, cơ sở giáo dục bắt buộc, cai nghiện bắt buộc, tạm giữ hành chính) bằng thuật ngữ chung “biện pháp xử lý hành chính”, đồng thời bổ sung khoảng thời gian từ khi chấp hành xong biện pháp đến khi nhận được văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường	Sửa đổi quy định để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 17 của Luật TNBCTNN, đồng thời bổ sung khoảng thời gian làm căn cứ xác định tiền công, tiền lương bị mất tính đến ngày người bị thiệt hại nhận được văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung để việc áp dụng trên thực tiễn, đảm bảo tính thống, khả thi.	Quy định như tại dự thảo Nghị định
Dự thảo quy định cụ thể về khoảng thời gian làm căn cứ xác định thiệt hại về tinh thần quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật	Sửa đổi quy định câu chữ nhằm bảo đảm đảm bảo tính thống, khả thi	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung để việc áp dụng trên thực tiễn, đảm bảo tính thống, khả thi.	Quy định như tại dự thảo Nghị định.
Dự thảo quy định về lương cơ sở bị bãi bỏ, các khoản thiệt hại tính theo lương cơ sở được chuyển sang tính theo mức tham chiếu; quy đổi 01 tháng = 01 mức tham chiếu, 01 ngày <i>01 ngày lương cơ sở tương ứng với 01 mức tham chiếu chia cho 22 ngày.</i> Áp dụng mức tham chiếu tại thời điểm giải quyết và không thấp hơn mức lương cơ sở cuối cùng đối với thiệt hại phát sinh trước thời điểm bãi bỏ.	1. Nghị định 158/2025/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc Điều 5. Mức tham chiếu 1. Mức tham chiếu là mức tiền do Chính phủ quyết định dùng để tính mức đóng, mức hưởng một số chế độ bảo hiểm xã hội quy định trong Luật Bảo hiểm xã hội. 2. Khi chưa bãi bỏ mức lương cơ sở thì mức tham chiếu quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội bằng mức	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung để việc áp dụng trên thực tiễn, đảm bảo tính thống, khả thi.	Quy định như tại dự thảo Nghị định.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	lương cơ sở. Tại thời điểm mức lương cơ sở bị bãi bỏ thì mức tham chiếu không thấp hơn mức lương cơ sở đó. 3. Khi mức lương cơ sở bị bãi bỏ thì mức tham chiếu được Chính phủ điều chỉnh trên cơ sở mức tăng của chỉ số giá tiêu dùng, tăng trưởng kinh tế, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và quỹ bảo hiểm xã hội.		
Dự thảo Nghị định quy định chuẩn hóa nội dung và giấy thức điện tử và Vneid. uy định về nội dung, thành phần thông tin người yêu cầu, phương thức nhận thông báo và tạm ứng, phục hồi danh dự, khôi phục quyền và lợi ích hợp pháp của người bị xử lý kỷ luật, hình thức kỷ luật, bồi thường chỉ cần có các nội dung tương ứng theo quy định. yêu cầu, có chữ ký hoặc điểm chỉ của người yêu cầu; Tỉ lệ quyền đại diện hoặc quyền thừa kế; quy định riêng về bồi thường Công Dịch vụ công quốc gia, VNeID hoặc phương tiện kỹ thuật về giao dịch điện tử.	1. Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh 1. Hồ sơ yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ và thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường được quy định tại Điều 41 của Luật số 10/2017/QH14 1. Yêu cầu bồi thường được thực hiện bằng một trong các hình thức sau đây: a) Gửi yêu cầu bồi thường qua Cổng dịch vụ công Quốc gia; b) Trực tiếp yêu cầu bồi thường bằng văn bản hoặc lời nói tại cơ quan giải quyết bồi thường hoặc tại bộ phận Một cửa theo quy định pháp luật. Trường hợp trình bày bằng lời nói thì người tiếp nhận phải lập văn bản ghi nhận các nội dung yêu cầu bồi thường, có chữ ký của người lập văn bản, chữ ký hoặc điểm chỉ của người yêu cầu bồi thường; Trường hợp người yêu cầu bồi thường không biết	Dự thảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan cắt giảm giấy tờ tài liệu, giảm mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác bồi thường nhà nước, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.	Quy định như tại dự thảo Nghị định yêu cầu bồi thường: bồi thường, yêu cầu văn bản yêu cầu bồi thường ghi nhận nội dung giấy tờ chứng minh được thực hiện qua điều kiện của pháp luật.
	b) Trực tiếp yêu cầu bồi thường bằng văn bản hoặc lời nói tại cơ quan giải quyết bồi thường hoặc tại bộ phận Một cửa theo quy định pháp luật. Trường hợp trình bày bằng lời nói thì người tiếp nhận phải lập văn bản ghi nhận các nội dung yêu cầu bồi thường, có chữ ký của người lập văn bản, chữ ký hoặc điểm chỉ của người yêu cầu bồi thường; Trường hợp người yêu cầu bồi thường không biết		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	chữ thì phải có người làm chứng; c) Gửi yêu cầu bồi thường qua dịch vụ bưu chính; d) Hình thức khác theo quy định của pháp luật. 2. Hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm: a) Văn bản yêu cầu bồi thường; b) Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không nhận được văn bản đó. 2. Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15 Điều 33. Liên thông, tích hợp và khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính 2. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin của cơ quan khác để giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm liên thông xuyên suốt, không phân mảnh giữa trung ương và địa phương		
Dự thảo cũng đã quy định cụ thể cách thức tiếp nhận hồ sơ tùy theo phương thức nộp cũng như cách thức xử lý hồ sơ yêu cầu bồi thường: Nộp tại Bộ phận Một cửa, Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc VNeID thì thực hiện theo quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông Nộp trực tiếp tại cơ quan giải quyết bồi thường thì cơ quan tiếp nhận và cấp giấy tiếp nhận. Nộp qua bưu chính thì trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường phải gửi giấy tiếp nhận cho người yêu cầu.	1. Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh 2. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ yêu cầu bồi thường, cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ và thực hiện một trong các việc sau:	Dự thảo sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan cắt giảm giấy tờ tài liệu dựa trên dữ liệu, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác bồi thường nhà nước, đẩy	Quy định như tại dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	a) Thụ lý hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, chính xác theo quy định tại điểm B.II.2 và B.II.3 Mục này. b) Yêu cầu cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền cung cấp văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường hoặc làm rõ nội dung văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong trường hợp hồ sơ chưa có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường hoặc nội dung văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường chưa rõ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan giải quyết bồi thường, cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phải cung cấp văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường hoặc làm rõ nội dung văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường. c) Yêu cầu người yêu cầu bồi thường bổ sung hồ sơ giấy tờ quy định tại điểm B.II.3 mục này trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác theo Phiếu yêu cầu bổ sung hồ sơ yêu cầu bồi thường theo Mẫu 02/BTNN kèm theo Phụ lục số I.6 Nghị quyết này. Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu bổ sung hồ sơ, nếu người yêu cầu bồi thường không bổ sung hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường không thụ lý hồ sơ theo quy định tại điểm B.IV.2.đ Mục này. 2. Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo	manh cai cach thu tuc hanh chinh.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận Một cửa Quy định việc nộp, tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính tại bộ phận Một cửa		
Dự thảo quy định về việc thụ lý hồ sơ do cơ quan khác chuyển đến: Nếu người bị thiệt hại đã nộp yêu cầu trong thời hiệu, nhưng đến khi cơ quan có thẩm quyền giải quyết nhận được hồ sơ thì thời hiệu đã hết, cơ quan đó vẫn phải thụ lý hồ sơ; Đồng thời quy định việc thông báo giải quyết bồi thường trên môi trường số qua VNeID hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia; ngày hệ thống báo đã gửi được xác định là ngày thông báo hợp lệ. Người yêu cầu có trách nhiệm truy cập để nhận thông báo và thực hiện quyền, nghĩa vụ. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư có trách nhiệm tích hợp, kết nối, chia sẻ và bảo mật thông tin; có thể thông báo đồng thời qua phương tiện điện tử khác theo đề nghị.	1. Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh IV. Về trình tự, thời gian thụ lý hồ sơ và thực hiện cử người giải quyết bồi thường quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 43 Luật số 10/2017/QH14 1. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác, cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ, trừ trường hợp quy định tại điểm B.IV.2 Mục này. Thời hạn giải quyết bồi thường được tính từ thời điểm thụ lý hồ sơ. 2. Cơ quan giải quyết bồi thường không thụ lý hồ sơ trong các trường hợp sau: a) Yêu cầu bồi thường không thuộc thẩm quyền giải quyết của mình. b) Thời hiệu yêu cầu bồi thường đã hết;	Dự thảo sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với chủ trương đơn giản hóa thủ tục hành chính, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính	Quy định như tại dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	c) Yêu cầu bồi thường không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được quy định tại Chương II của Luật số 10/2017/QH14; d) Người yêu cầu bồi thường không phải là người có quyền yêu cầu bồi thường theo quy định tại Điều 5 của Luật số 10/2017/QH14; đ) Hồ sơ không đầy đủ mà người yêu cầu bồi thường không bổ sung trong thời hạn quy định tại điểm B.III.2.c Mục này hoặc cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền thông báo không có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; e) Yêu cầu bồi thường đã được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Luật số 10/2017/QH14 và đã được Tòa án có thẩm quyền thụ lý theo thủ tục tố tụng dân sự; g) Yêu cầu bồi thường đã được Tòa án có thẩm quyền chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 55 của Luật số 10/2017/QH14; h) Yêu cầu bồi thường đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. i) Yêu cầu bồi thường không có đủ căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Nhà nước theo quy		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	định tại Điều 7 của Luật số 10/2017/QH14. 2. Quyết định 1819/QĐ-TTg phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính để tổ chức thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp Tại Phần II về lĩnh vực bồi thường nhà nước 1. Nhóm thủ tục: b) Kiến nghị thực thi: - Sửa đổi Điều 41, khoản 3 Điều 43, Điều 46, Điều 47, Điều 50, Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 73 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước		
Dự thảo Nghị định quy định cụ thể về tạm ứng kinh phí	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung để cụ thể hóa quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung để cụ thể hóa quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	Quy định như tại dự thảo Nghị định
Dự thảo Nghị định quy định cụ thể về định giá, giám định thiệt hại	1. Luật Giám định tư pháp số 105/2025/QH15 Điều 35. Kết luận giám định tư pháp	Dự thảo sửa đổi, bổ sung cụ thể hóa quy định tại Luật, bảo đảm phù hợp với luật	Quy định như tại dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	1. Kết luận giám định tư pháp phải bằng văn bản, bao gồm các nội dung sau đây: a) Họ tên người giám định tư pháp; tên, địa chỉ tổ chức thực hiện giám định tư pháp; b) Tên người trung cầu giám định tư pháp; số văn bản trung cầu giám định tư pháp hoặc họ tên người yêu cầu giám định tư pháp; c) Thông tin xác định đối tượng giám định; d) Thời gian nhận văn bản trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp; đ) Nội dung yêu cầu giám định; e) Phương pháp thực hiện giám định; g) Kết luận rõ ràng, cụ thể về nội dung chuyên môn của đối tượng giám định theo trung cầu, yêu cầu giám định tư pháp; h) Thời gian, địa điểm thực hiện, hoàn thành việc giám định.²	chuyên ngành	
Dự thảo Nghị định quy định vụ việc phức tạp: thiệt hại nhiều loại, phát sinh ở nhiều thời điểm; yêu cầu bồi thường trên 5 tỷ đồng; ảnh hưởng lớn đến an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hoặc Sở Tư pháp, Sở Tài chính cử đại diện tham gia xác minh khi được cơ quan giải quyết bồi thường đề nghị.; Quy định cụ thể cơ quan trung ương và địa phương thuộc phạm vi được đề nghị phối hợp; Cơ quan quản lý	1. Nghị định số 303/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ 5. Tổ chức, đơn vị trực thuộc bộ thực hiện nhiệm vụ, được ủy quyền theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Điều 14. Hiệu lực thi hành 3. Bãi bỏ Điều 1 Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024	của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cụ thể hóa quy định tại Luật, bảo đảm phù hợp với luật chuyên ngành	Quy định, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị. nước được phân cấp theo của Chính phủ sửa đổi,

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhà nước về công tác bồi thường tham gia bằng các hình thức: hợp xác định thiệt hại, trao đổi trực tiếp, xem xét hiện trạng tài sản hoặc hình thức khác. Cơ quan tài chính tham gia bằng việc góp ý bằng văn bản về thiệt hại, trao đổi trực tiếp và xem xét hiện trạng tài sản Thời hạn cử đại diện tham gia là 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị.	CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Chính phủ; <i>Nghị định số 101/2020/NĐ-CP</i> ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; <i>Nghị định số 120/2020/NĐ-CP</i> ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ. 2. Luật Tố cáo số 25/2018/QH14 Điều 49. Cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ 1. Người giải quyết tố cáo có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ khác nếu thuộc thẩm quyền của mình; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ. 2. Cơ quan tiếp nhận, xác minh nội dung tố cáo có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo. 3. Cơ quan Công an chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ tính an toàn của người được bảo vệ. 4. Cơ quan quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức, lao động, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có liên quan thực hiện việc bảo vệ vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ. 5. Ủy ban nhân dân các cấp, Công đoàn các cấp, cơ quan, tổ chức khác, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ thực hiện việc bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ. 3. Luật Phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 59/2020/QH14 và Luật số 81/2025/QH15 Điều 67. Bảo vệ người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng 1. Việc bảo vệ người tố cáo hành vi tham nhũng được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo. 2. Người phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng được áp dụng các biện pháp bảo vệ như bảo vệ người tố cáo. 3. Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 4. Luật Tiết kiệm, chống lãng phí số 110/2025/QH15 Điều 8. Bảo vệ người đấu tranh chống lãng phí	CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Chính phủ; <i>Nghị định số 101/2020/NĐ-CP</i> ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; <i>Nghị định số 120/2020/NĐ-CP</i> ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ. 3. Luật Phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 59/2020/QH14 và Luật số 81/2025/QH15	CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Chính phủ; <i>Nghị định số 101/2020/NĐ-CP</i> ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; <i>Nghị định số 120/2020/NĐ-CP</i> ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ. 3. Luật Phòng chống tham nhũng số 36/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 59/2020/QH14 và Luật số 81/2025/QH15

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	1. Quyền của người đấu tranh chống lãng phí: a) Được biết về các biện pháp bảo vệ; quyền và nghĩa vụ khi được áp dụng biện pháp bảo vệ; b) Được áp dụng các biện pháp bảo vệ kịp thời, bảo đảm an toàn; được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp; c) Được đề nghị thay đổi, bổ sung, chấm dứt việc áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ; d) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi cơ quan có thẩm quyền không áp dụng biện pháp bảo vệ; 3. Phạm vi bảo vệ, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ, trình tự, thủ tục và các biện pháp bảo vệ: a) Đối với người tố cáo hành vi gây lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo; b) Đối với người tố giác tội phạm về hành vi gây lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố giác tội phạm; c) Đối với người phản ánh về hành vi gây lãng phí được áp dụng các quy định về bảo vệ như bảo vệ người tố cáo, tố giác tội phạm, phản ánh về hành vi gây lãng phí.	a) Được biết về các biện pháp bảo vệ; quyền và nghĩa vụ khi được áp dụng biện pháp bảo vệ; b) Được áp dụng các biện pháp bảo vệ kịp thời, bảo đảm an toàn; được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp; c) Được đề nghị thay đổi, bổ sung, chấm dứt việc áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ; d) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi cơ quan có thẩm quyền không áp dụng biện pháp bảo vệ; 3. Phạm vi bảo vệ, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ, trình tự, thủ tục và các biện pháp bảo vệ: a) Đối với người tố cáo hành vi gây lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo; b) Đối với người tố giác tội phạm về hành vi gây lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố giác tội phạm; c) Đối với người phản ánh về hành vi gây lãng phí được áp dụng các quy định về bảo vệ như bảo vệ người tố cáo, tố giác tội phạm, phản ánh về hành vi gây lãng phí.	a) Được biết về các biện pháp bảo vệ; quyền và nghĩa vụ khi được áp dụng biện pháp bảo vệ; b) Được áp dụng các biện pháp bảo vệ kịp thời, bảo đảm an toàn; được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp; c) Được đề nghị thay đổi, bổ sung, chấm dứt việc áp dụng biện pháp bảo vệ hoặc từ chối áp dụng biện pháp bảo vệ; d) Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi cơ quan có thẩm quyền không áp dụng biện pháp bảo vệ; 3. Phạm vi bảo vệ, cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ, trình tự, thủ tục và các biện pháp bảo vệ: a) Đối với người tố cáo hành vi gây lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố cáo; b) Đối với người tố giác tội phạm về hành vi gây lãng phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố giác tội phạm; c) Đối với người phản ánh về hành vi gây lãng phí được áp dụng các quy định về bảo vệ như bảo vệ người tố cáo, tố giác tội phạm, phản ánh về hành vi gây lãng phí.
Dự thảo Nghị định cụ thể thương lượng và tham gia thương lượng bồi thường, xác định trách nhiệm của Bộ/Sở Tư pháp, cơ quan tài chính; quy định trường hợp tham gia, thời hạn cung cấp hồ sơ và nội dung ý kiến nghiệp vụ tại buổi thương lượng.	1. Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh VI. Về thời gian thương lượng việc bồi thường quy định tại khoản 1 Điều 46 Luật số 10/2017/QH14 Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết bồi thường phải tiến hành thương lượng việc bồi thường. Trong thời hạn 08 ngày làm việc kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng	Dự thảo sửa đổi, bổ sung đảm bảo khắc phục những vướng mắc trong thực tiễn thực hiện và bảo đảm tốt hơn quyền của người yêu cầu bồi thường trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường	Quy định như tại dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	phải được hoàn thành.		
Dự thảo Nghị định quy định cụ thể Quyết định giải quyết bồi thường quy định tại Điều 47	Dự thảo sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của Luật	Dự thảo sửa đổi, bổ sung nhằm thống nhất với các quy định trong Luật, cũng như điều chỉnh các vấn đề thực tiễn phát sinh	Quy định như tại dự thảo Nghị định.
Dự thảo Nghị định quy định 3 hình thức giao quyết định giải quyết bồi thường: điện tử (VNeID/Cổng DVCQG), bưu chính có báo phát hoặc giao trực tiếp; hình thức giao do hai bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận thì giao trực tiếp.	1. Luật giao dịch điện tử năm 2023 Điều 16. Nhận thông điệp dữ liệu 1. Người nhận thông điệp dữ liệu là cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc người đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó được chỉ định nhận thông điệp dữ liệu từ người khởi tạo thông điệp dữ liệu nhưng không bao gồm người trung gian chuyển thông điệp dữ liệu. 2. Trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thỏa thuận khác thì việc nhận thông điệp dữ liệu được quy định như sau: a) Người nhận được xem là đã nhận được thông điệp dữ liệu nếu thông điệp dữ liệu được nhập vào hệ thống thông tin do người đó chỉ định và có thể truy cập được; b) Người nhận có quyền coi mỗi thông điệp dữ liệu	Dự thảo sửa đổi, bổ sung nhằm thống nhất với các quy định trong dự thảo Luật, cũng như điều chỉnh các vấn đề thực tiễn phát sinh	Quy định như tại dự thảo Nghị định.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nhận được là một thông điệp dữ liệu độc lập, trừ trường hợp thông điệp dữ liệu đó là bản sao của một thông điệp dữ liệu khác mà người nhận biết hoặc buộc phải biết thông điệp dữ liệu đó là bản sao; c) Trường hợp trước hoặc trong khi gửi thông điệp dữ liệu, người khởi tạo có yêu cầu hoặc thỏa thuận với người nhận về việc người nhận phải gửi cho mình thông báo xác nhận khi nhận được thông điệp dữ liệu thì người nhận phải thực hiện đúng yêu cầu hoặc thỏa thuận này; d) Trường hợp trước hoặc trong khi gửi thông điệp dữ liệu, người khởi tạo đã tuyên bố thông điệp dữ liệu đó chỉ có giá trị khi có thông báo xác nhận, thông điệp dữ liệu đó được xem là chưa gửi cho đến khi người khởi tạo nhận được thông báo của người nhận xác nhận đã nhận được thông điệp dữ liệu đó; đ) Trường hợp người khởi tạo đã gửi thông điệp dữ liệu mà không tuyên bố về việc người nhận phải gửi thông báo xác nhận và cũng chưa nhận được thông báo xác nhận, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, thì người khởi tạo có thể thông báo cho người nhận là chưa nhận được thông báo xác nhận và ấn định khoảng thời gian hợp lý để người nhận gửi thông báo xác nhận; nếu người khởi tạo vẫn không nhận được thông báo xác nhận trong khoảng thời gian đã ấn định thì người khởi tạo có		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	quyền xem là chưa gửi thông điệp dữ liệu đó.		
Dự thảo Nghị định quy định: Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm an ninh, trật tự cho buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai. Cơ quan Công an cấp xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã bảo đảm an ninh, trật tự cho buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai.	Bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp	Dự thảo sửa đổi, bổ sung nhằm thống nhất với các quy định trong tổ chức chính quyền địa phương hai cấp	Quy định như tại dự thảo Nghị định
Dự thảo Nghị định quy định thông báo việc giải quyết bồi thường trên môi trường số	1. Luật giao dịch điện tử năm 2023 Điều 17. Thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu Trường hợp các bên tham gia giao dịch không có thỏa thuận khác thì thời điểm, địa điểm nhận thông điệp dữ liệu được quy định như sau: 1. Trường hợp người nhận đã chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận là thời điểm thông điệp dữ liệu nhập vào hệ thống thông tin được chỉ định và có thể truy cập được; nếu người nhận không chỉ định một hệ thống thông tin để nhận thông điệp dữ liệu thì thời điểm nhận thông điệp dữ liệu là thời điểm thông điệp dữ liệu đó nhập vào bất kỳ hệ thống thông tin nào của		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	người nhận và có thể truy cập được; 2. Ở bất kỳ địa điểm nào thông điệp dữ liệu được nhận thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu vẫn được coi là trụ sở của người nhận nếu người nhận là cơ quan, tổ chức hoặc nơi cư trú của người nhận nếu người nhận là cá nhân. Trường hợp người nhận có nhiều trụ sở thì địa điểm nhận thông điệp dữ liệu là trụ sở chính hoặc trụ sở có mối liên hệ mật thiết nhất với giao dịch.		
Dự thảo Nghị định quy định nội dung chi, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về công tác bồi thường và công tác giải quyết bồi thường	1. Luật Ngân sách số 89/2025/QH15 Điều 4. Giải thích từ ngữ <i>9. Cơ quan tài chính</i> là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chuyên môn về tài chính bao gồm: Bộ Tài chính, cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan tài chính cấp tỉnh) và phòng có chức năng tham mưu về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan tài chính cấp xã). <i>11. Đơn vị sử dụng ngân sách</i> là đơn vị dự toán ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách. <i>17. Ngân sách nhà nước</i> là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để <i>bảo đảm thực</i>	Dự thảo đã đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Ngân sách số 89/2025/QH15; sửa đổi câu chữ cho phù hợp thuật ngữ trong Luật Ngân sách, bảo đảm khắc phục những bất cập phát sinh	Quy định như tại dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	<i>hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.</i> 18. <i>Ngân sách trung ương</i> là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương. 19. <i>Ngân sách địa phương</i> là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương.		
Dự thảo Nghị định quy định cụ thể về giảm mức hoàn trả, miễn hoàn trả	Dự thảo Nghị định đã bổ sung quy định miễn hoàn trả để bảo đảm phù hợp thực tiễn phát sinh.	Dự thảo Nghị định đã đảm bảo khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh.	Quy định như tại dự thảo Nghị định
Dự thảo Nghị định quy định xác định cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp người yêu cầu bồi thường không xác định được cơ quan giải quyết bồi thường	1. Nghị định 121/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp Điều 21. Kiến nghị Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại xem xét lại quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả Việc kiến nghị Thủ trưởng cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại xem xét lại quyết định hoàn trả, quyết định giảm mức hoàn trả quy định tại Điều 67 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thuộc thẩm quyền của Ủy	Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung nhằm đẩy mạnh phân cấp theo chỉ đạo của Chính phủ; sửa về kỹ thuật đối với điều khoản này	Quy định như tại dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.		
	1. Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, 5. Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, liên tục, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, kỷ luật, kỷ cương hành chính, hiệu lực, hiệu quả, phục vụ Nhân dân. 2. Nghị định số 303/2025/NĐ-CP ngày 19/11/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ Điều 14. Hiệu lực thi hành 3. Bãi bỏ Điều 1 Nghị định số 83/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ; <i>Nghị định số 10/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định về cơ quan thuộc Chính phủ</i> đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 47/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2019 của	Dự thảo đã đảm bảo tính phù hợp, tính thống nhất với quy định pháp luật khác có liên qua, thể hiện rõ vai trò thống nhất quản lý nhà nước, vai trò chỉ đạo trong quản lý nhà nước	Quy định như tại dự thảo Nghị định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Chính phủ và Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về 2. Nghị định 121/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp Thực hiện thể chế các quy định Nghị định 121/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp về nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh		

III. ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Dự thảo Nghị định quy định cơ quan có thẩm quyền ở trung ương áp dụng biện pháp cần thiết để bảo vệ người tố cáo, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và người thân theo quy định của Luật Tố cáo và luật khác có liên quan;	1. Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng 2003 (UNCAC) Điều 32. Bảo vệ nhân chứng, chuyên gia và nạn nhân 1. Mỗi quốc gia thành viên sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp, theo pháp luật quốc gia và trong khả năng có thể để bảo vệ một cách hiệu quả nhân chứng và chuyên gia, những người đã đưa ra bằng chứng hoặc chứng thực liên quan đến các tội phạm quy định theo Công ước này và, nếu phù hợp, bảo vệ cả thân nhân và những người gần gũi với họ, khỏi những nguy cơ trả thù hay đe dọa 2. Không phương hại đến các quyền của bị cáo, kể cả quyền được xét xử một cách đúng luật, các biện pháp nêu trong khoản 1 của Điều này c thể bao gồm: (a) Thiết lập các thủ tục bảo vệ an toàn thân thể những người này, chẳng hạn, trong phạm vi cần thiết và khả thi, tái định cư họ và quy định, nếu phù hợp, không tiết lộ hoặc tiết lộ hạn chế thông tin liên quan đến nhận dạng hoặc nơi ở của những người này; (b) Đưa ra các quy định về chứng cứ cho phép nhân chứng và chuyên gia có thể làm chứng hoặc chứng thực theo cách đảm bảo an toàn cho họ, chẳng hạn có thể cho phép việc làm chứng hoặc chứng thực được thực hiện thông qua các phương tiện thông tin liên lạc. 3. Các quốc gia thành viên xem xét việc tham gia ký	Dự thảo Nghị định đã đảm bảo tương thích, với Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng	Quy định như tại <u>dự thảo Nghị định</u>

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	kết Hiệp định hoặc Thỏa thuận với quốc gia khác để tái định cư những người được nêu tại khoản 1 của Điều này. 4. Các quy định của Điều này cũng được áp dụng cho những nạn nhân có vai trò như nhân chứng. 5. Phụ thuộc vào quy định của pháp luật quốc gia, mỗi quốc gia thành viên sẽ cho phép những ý kiến và quan ngại của nạn nhân được trình bày và được xem xét ở giai đoạn nhất định của quá trình tố tụng hình sự đối với người phạm tội, theo cách không phương hại đến các quyền bào chữa.		
<u>Dự thảo Nghị định quy định</u> về mức hoàn trả, giảm mức hoàn trả, miễn hoàn trả”.	Điều 34. Hậu quả của hành vi tham nhũng Tôn trọng các quyền mà bên thứ ba có được một cách có thiện ý, các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các biện pháp, căn cứ vào các nguyên tắc căn bản của pháp luật quốc gia, để giải quyết hậu quả của việc tham nhũng. Về khía cạnh này, các quốc gia thành viên có thể xem xét tham nhũng như là một yếu tố có liên quan trong các vụ kiện để huỷ bỏ hay bãi bỏ hợp đồng, rút lại sự nhượng quyền hay các giấy tờ tương tự khác hoặc áp dụng các biện pháp khắc phục thích hợp.	Dự thảo Nghị định đã đảm bảo tương thích, với Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng	Quy định như tại dự thảo Nghị định
Dự thảo Nghị định quy định về thiệt hại	1. Công ước quốc tế về quyền dân sự chính trị ICPPR. Việt Nam gia nhập Công ước ICCPR (năm 1982) 3. Các quốc gia thành viên Công ước cam kết: a) Bảo đảm rằng bất cứ người nào bị xâm phạm các	Dự thảo Nghị định đã đảm bảo tương thích, với Công ước ICPPR về quyền của người bị thiệt hại trong được bồi thường thiệt hại về vật	Quy định như tại dự thảo Nghị định

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	quyền và tự do như được công nhận trong Công ước này đều nhận được các biện pháp khắc phục hiệu quả, cho dù sự xâm phạm này là do hành vi của những người thừa hành công vụ gây ra; b) Bảo đảm rằng bất kỳ người nào có yêu cầu về các biện pháp khắc phục sẽ được các cơ quan tư pháp, hành pháp hoặc lập pháp có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào khác có thẩm quyền do hệ thống pháp luật của quốc gia quy định, xác định quyền lợi cho họ và sẽ mở rộng khả năng áp dụng các biện pháp khắc phục mang tính tư pháp; c) Đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền sẽ thi hành các biện pháp khắc phục đã được đề ra. 2. Công ước quốc tế về quyền dân sự chính trị ICCPR. Việt Nam gia nhập Công ước ICCPR (năm 1982) Điều 9. 3. Bất cứ người nào bị bắt hoặc bị giam giữ vì một tội hình sự phải được sớm đưa ra toà án hoặc một cơ quan tài phán có thẩm quyền thực hiện chức năng tư pháp và phải được xét xử trong thời hạn hợp lý hoặc được trả tự do. Việc tạm giam một người trong thời gian chờ xét xử không được đưa thành nguyên tắc chung, nhưng việc trả tự do cho họ có thể kèm theo những điều kiện để bảo đảm họ sẽ có mặt tại toà án để xét xử vào bất cứ khi nào và để thi hành án nếu bị kết tội. 3. Công ước quốc tế các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa Điều 12.	chất và tinh thần, quyền khôi phục danh dự; quyền được xin lỗi công khai; quyền được bồi thường thiệt hại vật chất, tinh thần. Nội dung này đã được quy định trong Luật TNBTCNN năm 2017, dự thảo sửa đổi bồi siing chỉ bổ sung một số điều của Luật. Về cơ bản dự thảo Nghị định không có sự mâu thuẫn so với Công ước	

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	1. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người được hưởng một tiêu chuẩn sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể được		
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	1. Công ước quốc tế về quyền dân sự chính trị ICCPR. Việt Nam gia nhập Công ước ICCPR (năm 1982) Nội dung của khoản 3, Điều 2; khoản 5, Điều 9, khoản 6 Điều 14 Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR). Điều 2. 3. Các quốc gia thành viên Công ước cam kết: a) Bảo đảm rằng bất cứ người nào bị xâm phạm các quyền và tự do như được công nhận trong Công ước này đều nhận được các biện pháp khắc phục hiệu quả, cho dù sự xâm phạm này là do hành vi của những người thừa hành công vụ gây ra; b) Bảo đảm rằng bất kỳ người nào có yêu cầu về các biện pháp khắc phục sẽ được các cơ quan tư pháp, hành pháp hoặc lập pháp có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào khác có thẩm quyền do hệ thống pháp luật của quốc gia quy định, xác định quyền lợi cho họ và sẽ mở rộng khả năng áp dụng các biện pháp khắc phục mang tính tư pháp; c) Đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền sẽ thi	Dự thảo Nghị định đã đảm bảo tương thích với Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (ICCPR)	Quy định như tại dự thảo Nghị định

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	hành các biện pháp khắc phục đã được đề ra. Điều 9. 5. Bất cứ người nào trở thành nạn nhân của việc bị bắt hoặc bị giam giữ bất hợp pháp đều có quyền được yêu cầu bồi thường.		
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	1. Công ước quốc tế về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc Điều 6. Các Quốc gia thành viên phải đảm bảo cho tất cả mọi người thuộc thẩm quyền tài phán của mình sự bảo vệ và các giải pháp khắc phục, bồi thường hiệu quả, thông qua các tòa án và cơ quan tài phán quốc gia có thẩm quyền, để chống lại bất cứ hành động phân biệt chủng tộc nào trái với Công ước này mà vi phạm các quyền con người và tự do cơ bản của họ, cũng như quyền được khắc phục và bồi thường xứng đáng cho những thiệt hại do hành vi phân biệt chủng tộc đó gây ra, thông qua các tòa án và các cơ quan tài phán kể trên.	Dự thảo Nghị định không trái với các quy định của Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc	Quy định như tại dự thảo Nghị định
	1. Công ước quốc tế các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa Điều 12. 1. Các quốc gia thành viên Công ước thừa nhận quyền của mọi người được hưởng một tiêu chuẩn sức khỏe về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể được	Dự thảo Nghị định không trái với các quy định của Công ước	Quy định như tại dự thảo Nghị định
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	1. Công ước quốc tế các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, 1966 Điều 4.	Dự thảo Nghị định không trái với các quy định của Công ước	Quy định như tại dự thảo Nghị định

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Các quốc gia thành viên thừa nhận rằng, trong khi ấn định các quyền mà mỗi cá nhân được hưởng phù hợp với các quy định của Công ước này, mỗi quốc gia chỉ có thể đặt ra những hạn chế bằng các quy định pháp luật trong chừng mực những hạn chế ấy không trái với bản chất của các quyền nói trên và hoàn toàn vì mục đích thúc đẩy phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.		
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	1. Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản ngày 14 tháng 11 năm 2003 về tự do, xúc tiến và bảo hộ đầu tư Điều 10 Nhà đầu tư thuộc một Bên Ký kết, trong trường hợp đã chịu tổn thất hoặc thiệt hại đối với các hoạt động đầu tư trong Khu vực của Bên Ký kết kia do xung đột vũ trang hoặc tình trạng khẩn cấp như cách mạng, khởi nghĩa, nội chiến hoặc những sự kiện tương tự xảy ra trong Khu vực của Bên Ký kết kia, thì sẽ được Bên Ký kết kia phục hồi, đền bù, bồi thường hoặc bất kỳ một hình thức giải quyết hoặc đối xử nào khác không kém thuận lợi hơn, mà bên đó dành cho nhà đầu tư của mình hoặc nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào, tùy sự ưu đãi nào thuận lợi hơn.	Dự thảo Nghị định chưa điều chỉnh các hành vi của Hiệp định	Tiếp tục nghiên cứu
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	1. Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Dân Quốc về khuyến khích và bảo hộ đầu tư	Dự thảo Nghị định chưa điều chỉnh các hành vi của Hiệp định	Tiếp tục nghiên cứu

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Điều 4. Bồi thường thiệt hại, tổn thất Các nhà đầu tư của một Bên Ký kết có đầu tư hoặc thu nhập trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia bị thiệt hại do chiến tranh, xung đột vũ trang, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi dậy, khởi nghĩa, nổi loạn hoặc những sự kiện tương tự trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia sẽ được Bên Ký kết kia dành sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các nhà đầu tư nước mình hoặc các nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào liên quan đến việc hoàn trả, bồi thường, đền bù hoặc bằng các giải pháp khác. Bất kỳ khoản thanh toán nào theo Điều này phải được thực hiện nhanh chóng, đầy đủ và hiệu quả và được tự do chuyển không chậm trễ. Điều 5. Tước quyền sở hữu (1) Các khoản đầu tư của nhà đầu tư một Bên Ký kết sẽ không bị quốc hữu hóa, trưng thu hoặc các hình thức có hậu quả tương tự như quốc hữu hóa hoặc trưng thu (sau đây gọi là “tước quyền sở hữu”) trên lãnh thổ của Bên Ký kết kia, trừ trường hợp vì mục đích công cộng, theo thủ tục luật định, trên cơ sở không phân biệt đối xử và với điều kiện việc tước quyền sở hữu phải gắn với việc bồi thường nhanh chóng, thỏa đáng và có hiệu quả. Việc bồi thường như vậy được tính theo giá thị trường của nhà đầu tư ngay trước khi hành động tước quyền sở hữu được thực hiện hoặc được đưa ra công khai, tùy thuộc trường hợp nào diễn ra trước, gồm cả lãi tính từ ngày tước quyền sở hữu theo tỷ giá thương mại thích hợp và được thanh toán không chậm trễ, được thực hiện có hiệu quả và được tự do chuyển		

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	về nước. (2) Nhà đầu tư của một Bên Ký kết khiếu nại về toàn bộ hoặc một phần đầu tư của họ bị tước quyền sở hữu phải được một cơ quan tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền độc lập khác của Bên Ký kết kia xem xét nhanh chóng sự việc của họ và giá trị đầu tư của họ phù hợp với những nguyên tắc quy định tại khoản (1) Điều này. (3) Khi một Bên Ký kết tước quyền sở hữu tài sản của một công ty được tổ chức hoặc thành lập theo pháp luật và quy định của mình mà trong đó nhà đầu tư của Bên Ký kết kia sở hữu cổ phần hoặc có những hình thức tham gia khác thì những quy định tại khoản (1) và (2) của Điều này sẽ được áp dụng. Điều 6. Chuyển tiền ra nước ngoài (1) Các Bên Ký kết phải đảm bảo việc chuyển các khoản tiền liên quan đến đầu tư và thu nhập. Các khoản tiền này cụ thể bao gồm nhưng không chỉ là: (g) Khoản tiền bồi thường theo các Điều 4 và 5 (2) Các khoản tiền chuyển ra nước ngoài thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi, không chậm trễ quá đáng, theo tỷ giá hối đoái có hiệu lực đối với các giao dịch vãng lai hoặc theo tỷ giá hối đoái chính thức có hiệu lực tại ngày chuyển		
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và	1. Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực	Dự thảo Nghị định chưa	Tiếp tục nghiên

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	(RCEP) Điều 10.13: Tước quyền sở hữu 1. Không Bên nào tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hóa một khoản đầu tư được bảo hộ một cách trực tiếp hoặc thông qua các biện pháp tương đương với tước quyền sở hữu hoặc quốc hữu hóa (sau đây gọi là “tước quyền sở hữu” trong Chương này), trừ khi: (a) vì mục đích công cộng; (b) trên cơ sở không phân biệt đối xử; (c) thanh toán thiệt hại phù hợp với các khoản 2 và 3; (d) phù hợp với thủ tục của pháp luật. 2. Bồi thường thiệt hại nêu tại điểm 1(c) phải: (a) được thanh toán không chậm trễ; (b) tương đương với giá thị trường của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu đó tại thời điểm việc tước quyền sở hữu đó được công bố công khai,²⁷ hoặc việc tước quyền sở hữu đó xảy ra, tùy vào thời điểm nào xảy ra trước (sau đây gọi là “ngày tước quyền sở hữu” trong Chương này); (c) không phản ánh bất kỳ thay đổi trong giá trị do việc tước quyền sở hữu dự kiến đã bị tiết lộ trước đó; (d) có tính thanh khoản đầy đủ và được tự do chuyển nhượng. 3. Trong trường hợp chậm trễ, bồi thường thiệt hại sẽ	điều chỉnh các hành vi của Hiệp định	cứu

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	bao gồm tiền lãi hợp lý phù hợp với pháp luật và chính sách của Bên tước quyền sở hữu với điều kiện pháp luật và chính sách đó được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử. 4. Điều này không áp dụng đối với việc cấp các giấy phép bắt buộc được cấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, hoặc việc thu hồi, giới hạn hoặc tạo ra các quyền sở hữu trí tuệ, trong phạm vi việc cấp, thu hồi, giới hạn hoặc tạo ra đó phù hợp với Chương 11 (Sở hữu trí tuệ) và Hiệp định TRIPS.³¹ 5. Mặc dù có các khoản từ 1 đến 3, bất kỳ biện pháp tước quyền sở hữu nào liên quan đến đất đai sẽ được xác định phù hợp với pháp luật hiện hành của Bên tước quyền sở hữu, và sẽ theo các mục đích và việc trả tiền bồi thường, phù hợp với các luật và quy định nêu trên. Việc bồi thường đó sẽ phải tuân theo bất kỳ sửa đổi nào sau đó đối với các luật và quy định nói trên liên quan đến số tiền bồi thường khi những sửa đổi đó tuân theo xu hướng chung của giá trị thị trường của đất.		
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	1. Hiệp định Đầu tư giữa Chính phủ các Quốc gia Thành viên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Chính quyền đặc khu hành chính Hồng Kông thuộc nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Điều 10: Tước quyền sở hữu và Bồi thường Một Bên không được tước quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư được bảo hộ của nhà đầu tư thuộc bất kỳ	Dự thảo Nghị định chưa điều chỉnh các hành vi của Hiệp định	Tiếp tục nghiên cứu

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Bên nào khác, dù là trực tiếp hay thông qua các biện pháp tương đương với việc tước quyền sở hữu ("tước quyền sở hữu"), ngoại trừ các trường hợp: (a) Vì mục đích công cộng; (b) Phù hợp với trình tự pháp luật; (c) Trên cơ sở không phân biệt đối xử; và (d) Có kèm theo việc chi trả tiền bồi thường phù hợp với các yêu cầu tại khoản 2. Nhằm mục đích của điểm 1(d), khoản tiền bồi thường sẽ: (a) Tương đương với giá trị thị trường hợp lý của khoản đầu tư bị tước quyền sở hữu ngay trước khi hành động tước quyền sở hữu được thực hiện hoặc trước khi việc tước quyền sở hữu được công khai rộng rãi, tùy thuộc vào sự kiện nào xảy ra trước (nếu Bên thực hiện tước quyền sở hữu là một Quốc gia Thành viên ASEAN, giá trị này được xác định theo nguyên tắc định giá chung và luật pháp của Quốc gia Thành viên ASEAN đó); (b) Không bị chậm trễ trong việc thanh toán; (c) Có thể quy đổi hoàn toàn và tự do chuyển đổi ra loại tiền tệ có thể sử dụng tự do theo quy định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF); và (d) Bao gồm lãi suất tính từ ngày tước quyền sở hữu cho đến ngày thanh toán, với mức lãi suất hợp lý được quy định theo luật pháp của Bên thực hiện tước quyền sở hữu.		

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	Tiền bồi thường được quy định tại khoản 2 sẽ được chi trả cho nhà đầu tư bằng loại tiền tệ tự do chuyển đổi được yêu cầu, và được phép chuyển ra nước ngoài mà không bị chậm trễ. Bất kể các khoản quy định tại các khoản 1, 2 và 3, trường hợp một Bên tước quyền sở hữu đất đai, khoản bồi thường có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc khoản đền bù khác tương đương với giá trị của đất đai, theo luật pháp và quy định của Bên đó. Nếu nhà đầu tư bị tước quyền sở hữu cho rằng quyết định tước quyền sở hữu hoặc mức bồi thường không tuân thủ luật pháp quốc gia, họ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan độc lập khác của Bên thực hiện tước quyền sở hữu xem xét lại vụ việc.		
Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	1. Hiệp định Bảo hộ Đầu tư Việt Nam và Liên minh Châu Âu ĐIỀU 2.6. Bồi thường thiệt hại 1. Các khoản đầu tư được bảo hộ của nhà đầu tư của một Bên bị thiệt hại do chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp quốc gia, nổi loạn, khởi nghĩa hoặc bạo loạn trên lãnh thổ của Bên kia sẽ được Bên kia áp dụng sự đối xử có liên quan đến việc hoàn trả, đền bù, bồi thường hoặc giải pháp khác không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Bên kia dành cho các nhà đầu tư của mình hay của bất kỳ nước thứ ba nào. 2. Không ảnh hưởng đến khoản 1, nhà đầu tư của một Bên trong bất cứ trường hợp nào được nêu tại khoản 1 bị thiệt hại trên lãnh thổ của Bên kia phải được Bên kia	Dự thảo Nghị định chưa điều chỉnh các hành vi của Hiệp định	Tiếp tục nghiên cứu

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	hoàn trả hoặc bồi thường đầy đủ và hiệu quả nếu những thiệt hại này là do: (a) các lực lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên kia trung thu khoản đầu tư được bảo hộ; hoặc (b) các lực lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên kia phá huỷ khoản đầu tư được bảo hộ mà không phải là do hành động chiến đấu hoặc không phải là do tính thiết yếu của tình hình.		